

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

1.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho Trung tâm phục vụ hành chính công tình hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện mà mình là hội viên hoặc thành viên của hội viên.

- Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ/không đủ điều kiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo đối với hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề nộp trước ngày 15 của tháng hoặc trước ngày 15 của tháng kế tiếp đối với các trường hợp còn lại.

- Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp thông báo thời gian, địa điểm sát hạch, danh sách cá nhân đủ điều kiện dự thi sát hạch trước 05 ngày làm việc tính đến ngày tổ chức thi sát hạch. Việc sát hạch được thực hiện thông qua hình thức sát hạch trực tiếp hoặc sát hạch trực tuyến. Nội dung sát hạch bao gồm 10 câu hỏi về kiến thức pháp luật và 20 câu hỏi về kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Thời gian sát hạch tối đa là 30 phút. Số điểm tối đa cho mỗi đề sát hạch là 30 điểm, trong đó điểm tối đa cho phần kinh nghiệm nghề nghiệp là 20 điểm, điểm tối đa cho phần kiến thức pháp luật là 10 điểm. Cá nhân có kết quả sát hạch phần kiến thức pháp luật tối thiểu 7 điểm và tổng điểm từ 21 điểm trở lên thì sát hạch đạt yêu cầu.

- Trong thời hạn 06 ngày¹ làm việc kể từ ngày có thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện, Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân đủ điều kiện.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày cấp chứng chỉ, Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện có trách nhiệm đăng tải thông tin về năng lực hoạt động của cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lên trang thông tin điện tử do mình quản lý, đồng thời tích hợp trên trang thông tin điện tử <http://www.nangluchdxd.gov.vn>.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến).

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

- Tập tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Bản sao có chứng thực hoặc tập tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các trường hợp còn lại văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận).

- Bản sao có chứng thực hoặc tập tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Chứng chỉ hành nghề (nếu có) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó phù hợp với thời gian và phạm vi chứng minh kinh nghiệm.

- Bản sao có chứng thực hoặc tập tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai hoặc văn bản của các cơ quan chuyên môn về xây dựng có nội dung liên quan đến kinh nghiệm của cá nhân kê khai; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện đã kê khai đối với trường hợp cá nhân hành nghề độc lập.

- Bản sao có chứng thực hoặc tập tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 06 ngày² làm việc kể từ ngày có thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài hoạt động xây dựng hợp pháp tại Việt Nam.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện đối với chứng chỉ hành nghề hạng II, Hạng III.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

1.8. Lệ phí, chi phí sát hạch:

² Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Theo quy định tại Thông tư số 156/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ. phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục số IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên.

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;

+ Hạng III: Có chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng.

- Có kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với hạng và lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong vòng 10 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp sử dụng kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp nhưng quá 10 năm thì được đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thấp hơn 01 hạng tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề.

- Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp được tính từ thời điểm cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thể hiện tại đơn đề nghị cấp/chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoặc hợp đồng lao động hoặc xác nhận của bên sử dụng lao động hoặc bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ tương tự.

- Đối với hội viên, thành viên của hội viên của Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện: đã được kết nạp trước thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ tối thiểu 3 tháng.

- Đáp ứng các yêu cầu, điều kiện chuyên môn phù hợp về khảo sát xây dựng, thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 80, 81, 82, 83, 84 và 85 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.
- Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.
- *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh⁽¹⁾: 3. Quốc tịch:
4. Số CC/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....
Nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại⁽²⁾:..... Địa chỉ hòm thư điện tử:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (*ghi rõ chuyên ngành đào tạo*):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề:
..... năm.
10. Chứng chỉ hành nghề số: Ngày cấp:
Nơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng
11. Thông báo đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (trường hợp được
bảo lưu quyền dự thi sát hạch) số: Ngày cấp:
- Nơi cấp:
12. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng⁽³⁾:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình/hạng mục công trình: Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình: Địa điểm xây dựng công trình: Chủ đầu tư:..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: 2.	
2				
...				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:

Hạng:

- Cấp mới
- Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Có thể thay thế các thông tin ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu, địa chỉ thường trú bằng mã số định danh cá nhân.
- ⁽²⁾ Số điện thoại, địa chỉ hòm thư điện tử phải là thông tin của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
- ⁽³⁾ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp cá nhân được bảo lưu quyền dự thi sát hạch; cấp lại chứng chỉ hành nghề.

Phụ lục IV - Mẫu số 05

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

<p style="text-align: center;"><i>(Mẫu vàng nhạt)</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 4)</i></p>	<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p style="text-align: center;">CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 1)</i></p>																																												
<p style="text-align: center;">THÔNG TIN CÁ NHÂN</p> <p>Số chứng chỉ: ABC-12345678 <i>(Ban hành theo Quyết định số: ... ngày ...)*</i></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p style="text-align: center;"><i>Ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ</i></p> </div> <p>Họ và Tên:</p> <p>Ngày tháng năm sinh:</p> <p>Số CC/CCCD/Hộ chiếu:</p> <p>cấp ngày tại</p> <p>Quốc tịch:</p> <p>Cơ sở đào tạo:</p> <p>Trình độ chuyên môn:</p> <div style="text-align: right; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">Mã QR-Code</div> <p><i>(trang 2)</i></p> </div>	<p style="text-align: center;">Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Lĩnh vực hành nghề</th> <th style="width: 10%;">Hạng</th> <th style="width: 50%;">Thời hạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td>Từ đến</td> </tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table> <p style="text-align: center;">Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../... ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ <i>(Ký, họ và tên, đóng dấu)</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 3)</i></p>	STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn				Từ đến																																				
STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn																																										
			Từ đến																																										

* Trường hợp cấp lại thì ghi rõ lần cấp (cấp lại lần 1, cấp lại lần 2, ...)

2. Thủ tục cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng:

2.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện.

- Trong thời hạn 11 ngày³ làm việc kể từ ngày có thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện. Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ hoặc không đủ điều kiện cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề và cấp chứng chỉ chuyển đổi cho cá nhân đủ điều kiện.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày cấp chứng chỉ, Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp có trách nhiệm đăng tải thông tin về năng lực hoạt động của cá nhân đã được cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng lên trang thông tin điện tử do mình quản lý, đồng thời tích hợp thông tin trên trang thông tin điện tử <http://www.nangluchdxd.gov.vn>.

- Cá nhân đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề thì không yêu cầu sát hạch.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần

- Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục số IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến.

- Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: văn bằng, giấy phép năng lực hành nghề do cơ sở đào tạo nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 11 ngày⁴ làm việc kể từ ngày thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng tại Việt

³ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

⁴ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Nam từ 6 tháng trở lên; cá nhân là người nước ngoài đã thực hiện thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề nếu tiếp tục hoạt động xây dựng tại Việt Nam và đã được gia hạn giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện đối với chứng chỉ hành nghề hạng II, Hạng III.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

2.8. Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 156/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ. phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục số IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

- Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Đã có giấy phép năng lực hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp, đã hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 06 tháng trở lên.

- Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên.

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;

+ Hạng III: Có chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng.

- Có kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với hạng và lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong vòng 10 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp sử dụng kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp nhưng quá 10 năm thì được đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thấp hơn 01 hạng tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề.

- Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp được tính từ thời điểm cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thể hiện tại đơn đề nghị cấp/chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoặc hợp đồng lao động hoặc xác nhận của bên sử dụng lao động hoặc bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ tương tự.

- Đối với hội viên, thành viên của hội viên của Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện: đã được kết nạp trước thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ tối thiểu 3 tháng.

- Đáp ứng các yêu cầu, điều kiện chuyên môn phù hợp về khảo sát xây dựng, thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 80, 81, 82, 83, 84 và 85 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

- Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

- *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHUYÊN ĐỒ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:
- Nơi cấp:
5. Thời hạn trên giấy phép lao động:.....
6. Số điện thoại: Địa chỉ hòm thư điện tử:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (*ghi rõ chuyên ngành đào tạo*):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chuyên đồ chứng chỉ hành nghề (năm):
10. Giấy phép năng lực hành nghề số: Ngày cấp:
- Nơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình/hạng mục công trình: Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình: Địa điểm xây dựng công trình: Chủ đầu tư:..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: 2.	
2				
...				

Đề nghị cấp chuyên đồ chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:

Lĩnh vực hoạt động:Hạng:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

3. Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

3.1. Trình tự thực hiện:

- Nhà thầu nước ngoài nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 06 ngày⁵ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng xem xét, cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 05 (đối với tổ chức), Mẫu số 06 (đối với cá nhân) Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng phải trả lời bằng văn bản cho nhà thầu và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng bằng tiếng Việt, theo Mẫu số 01 (đối với tổ chức) hoặc Mẫu số 04 (đối với cá nhân) Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự; chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu theo Mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 03 năm gần nhất (đối với trường hợp không thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu); đối với nhà thầu thành lập dưới 03 năm thì nộp báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính theo số năm được thành lập.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu) nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

⁵ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

- Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Số lượng: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 6 ngày⁶ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc cá nhân có quốc tịch nước ngoài, đã được lựa chọn, ký kết, thực hiện hợp đồng xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam (gọi chung là nhà thầu nước ngoài). Nhà thầu nước ngoài có thể là tổng thầu, hoặc nhà thầu liên danh, hoặc nhà thầu chính, hoặc nhà thầu phụ.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thực hiện hoạt động xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.

- Trường hợp nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng trên địa bàn của 02 tỉnh trở lên thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài là Sở Xây dựng thuộc địa phương nơi nhà thầu nước ngoài dự kiến đặt văn phòng điều hành.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 05 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân nước ngoài theo Mẫu số 06 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

3.8. Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 156/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 01 (đối với nhà thầu là tổ chức), Mẫu số 04 (đối với nhà thầu là cá nhân) Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 05 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân nước ngoài theo Mẫu số 06 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

⁶ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

- Nhà thầu nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động xây dựng khi có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư/nhà thầu chính (phụ).

- Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

- Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG*(Đối với nhà thầu là tổ chức)*

Văn bản số: ...

... , ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

Tôi:(Họ tên) Chức vụ:

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại:..... Fax:..... E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại:..... Fax:..... E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc thầu chính, trường hợp là thầu phụ làm đơn) là :..... thông báo trúng thầu (hoặc được chọn thầu) để làm thầu chính (hoặc thầu phụ) thực hiện công việcthuộc Dự án..... tạitrong thời gian từ... ..đến

Chúng tôi đề nghị Sở Xây dựng cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện công việc nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

(Các tài liệu được quy định tại Điều 115 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoạiFax..... E.mail

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)...*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG*(Đối với nhà thầu là cá nhân)*

Văn bản số: ...

... , ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Sở Xây dựng

Tôi:..... (Họ tên).

Có hộ chiếu số:(sao kèm theo đơn này)

Địa chỉ tại chính quốc:.....

Số điện thoại:..... Fax:.....E.mail:.....

Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):.....

Số điện thoại:..... Fax:..... E.mail:.....

Tôi được chủ đầu tư (hoặc thầu chính) thông báo trúng thầu (hoặc chọn thầu) thực hiện tư vấn công việc thuộc Dự án..... tại trong thời gian từ

Đề nghị Sở Xây dựng..... cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tôi để thực hiện công việc nêu trên.

Hồ sơ kèm theo gồm:

(Các tài liệu quy định tại Điều 115 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP)

Nếu hồ sơ của tôi cần được bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax E.mail

Khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

Kính đơn*(Ký tên)***Họ và tên người ký**

CÔNG TY/CÁ NHÂN

... , ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
CÁC CÔNG VIỆC/DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT

Chủ đầu tư hoặc Bên thuê	Tên Dự án, địa điểm, quốc gia	Nội dung hợp đồng nhận thầu	Giá trị hợp đồng và ngày ký hợp đồng (USD)	Tỷ lệ % giá trị công việc phải giao thầu phụ	Thời gian thực hiện hợp đồng (từ... đến...)
1	2	3	4	5	6
Nơi nhận: - Sở Xây dựng ...; - Lưu: ...		THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)... <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ nếu là cá nhân và đóng dấu Công ty)</i>			

SỞ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-SXD

.....,ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài****GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG ...**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đơn và hồ sơ của Công ty (hoặc Liên danh), là pháp nhân thuộc nước....., về việc nhận thầu thuộc Dự án..... tại..... và theo thông báo trúng thầu (hoặc chọn thầu) của chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là..... tại văn bản

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty (hoặc Liên danh)..... (sau đây gọi là Nhà thầu), pháp nhân thuộc nước....., có địa chỉ đăng ký tại....., được thực hiện công việc thuộc Dự án..... tại

Điều 2.

1. Nhà thầu thực hiện công việc theo Quyết định trúng thầu (hoặc chọn thầu) với chủ đầu tư (hoặc thầu chính); liên danh với nhà thầu Việt Nam (hoặc/và sử dụng thầu phụ Việt Nam) như đã được xác định trong hồ sơ dự thầu (hoặc chào thầu) thông qua hợp đồng liên danh hoặc hợp đồng thầu phụ như đã xác định trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

2. Nhà thầu thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 119 Nghị định số...../2024/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2024 của Chính phủ.

3. Nhà thầu phải lập thông báo gửi về Sở Xây dựng theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 119 Nghị định số..... /2024/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2024 của Chính phủ.

Điều 3.

1. Giấy phép này đồng thời có giá trị để Nhà thầu liên hệ với các cơ quan Nhà nước Việt Nam có liên quan thực hiện nội dung các điều khoản nêu trên theo quy định của pháp luật.
2. Giấy phép này chỉ có giá trị thực hiện công việc nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Giấy phép này được cấp cho Nhà thầu, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố... (nơi có dự án) và chủ đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, Sở Xây dựng ...

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG ...
(Ký tên, đóng dấu)

SỞ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-SXD

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân****GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 35/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đơn và hồ sơ của ông/bà....., quốc tịch nướcvề việc nhận thầu thuộc Dự án..... tại..... và theo thông báo trúng thầu (hoặc được chọn thầu) của chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là..... tại văn bản

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà....., quốc tịch nước....., có hộ chiếu số.....cấp ngày tại..... do cơ quan nước..... cấp, được thực hiện công việc thuộc Dự án..... tại

Điều 2.

1. Ông/bà thực hiện công việctheo Quyết định trúng thầu (hoặc chọn thầu) với chủ đầu tư (hoặc thầu chính).

2. Ông/bà thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 119 Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2024 của Chính phủ.

3. Ông/bà phải lập thông báo gửi về Sở Xây dựng theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 119 Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày ...tháng... năm 2024 của Chính phủ.

Điều 3.

1. Giấy phép này đồng thời có giá trị đề ông/bà liên hệ với các cơ quan nhà nước Việt Nam có liên quan thực hiện nội dung các điều khoản nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Giấy phép này chỉ có giá trị thực hiện công việc nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Giấy phép này được cấp cho ông/bà..... đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố... (nơi có dự án) và chủ đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, Sở Xây dựng ...

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG.....*(Ký tên, đóng dấu)*

4. Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

4.1. Trình tự thực hiện:

- Nhà thầu nước ngoài nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

- Trong thời hạn *06 ngày*⁷ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng cấp Quyết định điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng phải trả lời bằng văn bản cho nhà thầu và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 08 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Các tài liệu chứng minh cho nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Số lượng: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 6 ngày⁸ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc cá nhân có quốc tịch nước ngoài, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài, nhưng có thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi về thành viên trong Liên danh nhà thầu hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong Giấy phép hoạt động xây dựng được cấp.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thực hiện hoạt động xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.

- Trường hợp nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng trên địa bàn của 02 tỉnh trở lên thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài là Sở Xây dựng thuộc địa phương nơi nhà thầu nước ngoài dự kiến đặt văn phòng điều hành.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 07 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

⁷ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

⁸ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

4.8. Lệ phí:

Theo quy định tại Thông tư số 156/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 08 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 07 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

- Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Văn bản số:.....

..., ngày ...tháng... năm ...

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

Tôi:(Họ tên) Chức vụ:

Được ủy quyền của ông (bà):..... theo giấy ủy quyền:...(kèm theo đơn này)

Đại diện cho:

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại:..... Fax:..... E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam:

Số điện thoại:Fax:.....E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được Sở Xây dựng... cấp giấy phép hoạt động xây dựng số....., ngày..... để thực hiện công việc thuộc dự ánĐề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung:

.....

Lý do đề nghị điều chỉnh:

Chúng tôi đề nghị Sở Xây dựng điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi với nội dung nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

1. Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp
2. Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung điều chỉnh:
3. Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị điều chỉnh là thầu phụ)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax..... E.mail

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)...*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)*

TỔ CHỨC ...
_____CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

... , ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Quyết định trúng thầu (hoặc được chọn thầu) số ... ngày... tháng ... năm
.... giữa Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính) với Công ty

Tôi tên là:

Chức vụ:

Ủy quyền cho ông/bà

Chức vụ:

Số hộ chiếu:..... Quốc tịch nước:

Ông/Bà được ký các giấy tờ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây
dựng công việc

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Sở Xây dựng.....;
- Lưu: VT, đơn vị...

THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)...*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)*

SỞ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-SXD

.....,ngày.....tháng.....năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân****GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 35/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Giấy phép hoạt động xây dựng số/20.../QĐ-SXD ngày ...tháng...năm.... của Sở Xây dựng cấp cho Công ty (hoặc Liên danh)/ông, bà

Căn cứ pháp lý có liên quan

Căn cứ đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng ngày... tháng ...năm....của Công ty (hoặc Liên danh)/ông, bà

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh..... trong Giấy phép hoạt động xây dựng số/20.../QĐ-SXD do Sở Xây dựng cấp ngày ...tháng...năm.... Các nội dung khác của Giấy phép hoạt động xây dựng số/20.../QĐ-SXD ngày ...tháng...năm.... không thay đổi.

Điều 2. Văn bản này là một phần không tách rời của Giấy phép hoạt động xây dựng số/20.../QĐ-SXD ngày ...tháng...năm ...

Điều 3. Văn bản này được lập và sao gửi như quy định tại Điều 4 Giấy phép hoạt động xây dựng số/20.../QĐ-SXD ngày .. tháng.. năm

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Sở Xây dựng ...

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG.....
(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

1. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Xây dựng nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Xây dựng phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Xây dựng kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia hoặc Cổng thông tin doanh nghiệp của Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Bộ phận Một cửa của Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

Sở Xây dựng thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

1.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định thành lập và

quy định chức năng, nhiệm vụ bộ phận quản lý an toàn của đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;

- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định giao nhiệm vụ đối với người điều hành vận tải.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

1.8. Phí, lệ phí: không có.

1.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau:

không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm. Không sử dụng xe ô tô chở người có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) để kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng theo khoản 11 Điều 56 Luật Đường bộ và có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)".
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
 -
 -

10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyên cổ định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
<p>GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ</p> <p>Số:.....Cấp lần thứ:..... (Cấp lần đầu: Số.....ngày/tháng/năm.....nơi cấp.....)</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Cấp cho đơn vị:..... ● Địa chỉ:..... ● Số điện thoại:..... ● Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) sốngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp ● Người đại diện theo pháp luật:..... ● Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô/Được phép kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p>	
QR code	<p>....., ngày/tháng/năm ...</p> <p>Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)</p>

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.
- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:
 - + Dòng "GIẤY PHÉP" và dòng "KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ" in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;
 - + Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.
- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

2. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Xây dựng nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Xây dựng phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Xây dựng kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia hoặc Cổng thông tin doanh nghiệp của Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Bộ phận Một cửa của Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

Sở Xây dựng thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

2.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh*

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu;

- Tài liệu chứng minh, sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 1 (trừ điểm đ, điểm e) Điều 19 của Nghị định số

158/2024/NĐ-CP (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

** Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi*

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu;
- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;
- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ bộ phận quản lý an toàn của đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;
- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định giao nhiệm vụ đối với người điều hành vận tải;
- Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định tại điểm a, điểm d khoản 6 Điều 21 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

2.8. Phí, lệ phí: không có.

2.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.
- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm. Không sử dụng xe ô tô chở người có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) để kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền,

trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng theo khoản 1 Điều 56 Luật Đường bộ và có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)".
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
 -
 -

10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyên cổ định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

**MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN
BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
<p>GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ</p> <p>Số:.....Cấp lần thứ:..... (Cấp lần đầu: Số.....ngày/tháng/năm.....nơi cấp.....)</p> <ul style="list-style-type: none">● Cấp cho đơn vị:.....● Địa chỉ:.....● Số điện thoại:.....● Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) sốngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp● Người đại diện theo pháp luật:.....● Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô/Được phép kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p>	
QR code	<p>....., ngày/tháng/năm...</p> <p>Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)</p>

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.
- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:
 - + Dòng "GIẤY PHÉP" và dòng "KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ" in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;
 - + Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.
- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

3. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký khai thác tuyến về Sở Xây dựng nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Xây dựng phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp trên hệ thống dịch vụ công nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến đơn vị kinh doanh vận tải.

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Xây dựng, đơn vị kinh doanh vận tải phải hoàn thiện và cập nhật hồ sơ lên hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, đơn vị kinh doanh vận tải không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Xây dựng tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp trên hệ thống dịch vụ công;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Xây dựng nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện rà soát và gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng với Sở đầu tuyến bên kia. Trong thời gian 01 ngày làm việc, Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng về việc đồng ý hoặc không đồng ý (nêu rõ lý do). Trường hợp Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia không có văn bản trả lời thì hệ thống sẽ tự động chuyển sang trạng thái đã đồng ý;

- Sau khi có ý kiến xác nhận đồng ý của Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia, Sở Xây dựng nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi đơn vị kinh doanh vận tải, Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

- Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Xây dựng xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của đơn vị kinh doanh vận tải trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

- Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày đơn vị kinh doanh vận tải ngừng tham gia khai thác tuyến hoặc theo hiệu lực của quyết định đình chỉ khai thác tuyến của Sở Xây dựng. Trước 10 ngày hết hạn, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng đến đơn vị kinh doanh vận tải về thời gian hết hạn của Thông báo đăng ký khai thác tuyến. Sau 60 ngày kể từ ngày có Thông báo đăng ký khai thác

tuyển thành công, nếu đơn vị kinh doanh vận tải không thực hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo đăng ký khai thác tuyển thành công không còn hiệu lực.

3.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đăng ký khai thác tuyển theo mẫu;
- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính văn bản trao đổi thống nhất giữa bên xe hai đầu tuyến với đơn vị kinh doanh vận tải tham gia khai thác tuyển (áp dụng đối với trường hợp tuyển phải điều chỉnh, bổ sung).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyển thành công.

3.8. Phí, lệ phí: không có.

3.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đăng ký khai thác tuyển.
- Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyển thành công.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Căn cứ vào danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định, biểu đồ chạy xe theo tuyến đã công bố và cập nhật trên danh mục tuyến vận tải hành khách cố định của Bộ Xây dựng, đơn vị kinh doanh vận tải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo loại hình tuyến cố định được quyền lựa chọn giờ xuất bến và thực hiện đăng ký khai thác tuyển theo quy định.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên Đơn vị KDVT:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến:
- Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)
- Bến xe đi:..... Bến xe đến:.....(3)
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: giờ.... phút, vào các ngày.....
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:.....giờ.... phút, vào các ngày.....
- Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:.....
- Cự ly vận chuyên:km.
- Hành trình chạy xe:.....
5. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT*(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

TÊN ĐƠN VỊ KDVT.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN**KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ****I. Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến:.....

Tên tuyến:.....đi..... và ngược lại.

Bến đi:.....; Bến đến:.....

Cự ly vận chuyên:.....km.

Hành trình:.....

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) Chiều đi: xuất bến tại:.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.....phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ.....phút, vào các ngày.....

-

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ.....phút, vào các ngày.....

-

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xegiờ.....phút.

4. Tốc độ lữ hành:.....km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) Chiều đi: xuất bến tại:.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

T T	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2					
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từđến.....):đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.....kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

- a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).....
- c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:....., sức chứa:....., năm sản xuất.....
- Số lượng xe:.....

VII. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

1. Đạt chất lượng dịch vụ loại.....(sao) theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại (sao) của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
2. Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:.....
3. Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:

ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU THÔNG BÁO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG**SỞ XÂY DỰNG.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO
ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG**Kính gửi:.....(*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*)

Căn cứ nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Sở Xây dựng thông báo về việc đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định thành công với các nội dung sau:

1. Tên Đơn vị KDVT:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... ngày...../...../.....
do(tên cơ quan cấp) cấp.

Được tham gia khai thác tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh (hoặc nội tỉnh) kể từ ngày... tháng... năm.....

- Tên tuyến: Nơi đi:..... Nơi đến:..... và ngược lại (1).
- Bến xe đi:..... Bến xe đến:.....
- Mã số tuyến:.....
- Cự ly vận chuyên:.....km; Hành trình chạy xe:.....

Giờ xe xuất bến:

+ Tại bến xe đi:..... giờ..... phút, vào các ngày.....

+ Tại bến xe đến:.....giờ.....phút, vào các ngày.....

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày thông báo.....(*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*) có trách nhiệm đưa xe vào khai thác. Trường hợp sau 60 ngày kể từ ngày thông báo, nếu(*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*)không thực hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo này không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục ĐBVN;
- Sở GTVT...;
- Các Bến xe...;
- Lưu:....

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi: (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

4. Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Sau khi hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu điều kiện của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp phép gửi đến Sở Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng phải có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản và cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp giấy phép đào tạo lái xe điện tử, Sở Xây dựng đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng để cơ sở đào tạo lái xe in hoặc lưu trên thiết bị điện tử.

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo, Sở Xây dựng cấp giấy phép xe tập lái. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp giấy phép xe tập lái điện tử Sở Xây dựng đăng tải trên Trang thông tin điện tử để cơ sở đào tạo in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu;

- Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);

- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định pháp luật về đất đai.

Trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất: bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ, bản sao giấy

tờ chứng minh quyền sử dụng đất hoặc bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với cơ sở vật chất của bên cho thuê;

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);

- Chứng nhận đăng ký xe, biển số xe hoặc bản sao chứng nhận đăng ký xe, biển số xe có chứng thực kèm bản gốc giấy tờ xác nhận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài còn hiệu lực trong trường hợp xe đang được thế chấp tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bản chính xuất trình tại thời điểm kiểm tra để đối chiếu).

Trường hợp Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất và Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Cấp Giấy phép đào tạo: 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Cấp Giấy phép xe tập lái: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép đào tạo lái xe.

- Giấy phép xe tập lái.

4.8. Phí, lệ phí: Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe;

- Giấy phép đào tạo lái xe.

- Giấy phép xe tập lái.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với Cơ sở đào tạo: Đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, và Điều 9 của Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

- Đối với xe tập lái:

+ Cơ sở đào tạo phải có xe tập lái của các hạng được phép đào tạo, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng phải đảm bảo số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy thực hành lái xe;

+ Xe tập lái các hạng phải sử dụng các loại xe tương ứng với hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Trong đó: xe tập lái hạng B gồm xe sử dụng loại chuyển số tự động (bao gồm cả loại chuyển số của ô tô điện) hoặc chuyển số cơ khí (số sàn); xe tập lái hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE sử dụng loại chuyển số cơ khí (số sàn);

+ Ô tô tải sử dụng để làm xe tập lái hạng B phải có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 2.500 kg đến 3.500 kg với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;

+ Xe tập lái được gắn 02 biển “TẬP LÁI” trước và sau xe theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này; có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh, được bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe; xe tập lái trên đường giao thông có thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên; xe tập lái loại ô tô tải thùng có mui che mưa, che nắng, ghế ngồi cho học viên; có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực;

+ Xe mô tô ba bánh để làm xe tập lái cho người khuyết tật là xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe;

+ Xe ô tô hạng B số tự động được dùng làm xe tập lái cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái; xe ô tô hạng B số tự động dùng làm xe tập lái cho người khuyết tật ngoài việc đáp ứng các quy định tại điểm a, điểm d khoản này còn phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô hoặc được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

Mẫu Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:....

Địa chỉ liên lạc:.....

.....

Điện thoại:.....Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số..... ngày / / của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm.....loại xe (xe con, xe tải.....tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số.....ngày / / của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được..... học sinh, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo.....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:.....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH
(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích:..... m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy phép đào tạo lái xe

Mẫu số 01. Giấy phép đào tạo lái xe

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN <hr style="width: 80%; margin: auto;"/>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc <hr style="width: 80%; margin: auto;"/>
Số:...../, ngày tháng năm 20
<h2 style="margin: 0;">GIẤY PHÉP</h2> <h3 style="margin: 0;">ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ</h3>	
<p>Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024; Căn cứ Nghị định số/ /NĐ-CP ngày.../..... /..... của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định số..... ngày / / của cơ quan có thẩm quyền về việc; Theo đề nghị của</p>	
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	
<p>1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:.....</p> <p>2. Địa chỉ:..... - Điện thoại - Fax:.....</p> <p>3. Cơ quan quản lý trực tiếp:.....</p> <p>4. Được phép đào tạo: - Hạng:..... - Lưu lượng:</p> <p>5. Địa điểm đào tạo: - Đào tạo Lý thuyết: - Đào tạo thực hành lái xe trong hình: - Đào tạo lái xe trên đường giao thông:</p> <p>Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.</p>	
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	

Mẫu số 02. Giấy phép đào tạo lái xe điện tử**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../

....., ngày tháng năm 20

**GIẤY PHÉP
ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ
Mã số:...../.....**

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số/ /NĐ-CP ngày...../..... /..... của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định số..... ngày / / của cơ quan có thẩm quyền về việc

Theo đề nghị của

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:.....

2. Địa chỉ:.....

- Điện thoại - Fax:.....

3. Cơ quan quản lý trực tiếp:.....

4. Được phép đào tạo:

- Hạng:.....

- Lưu lượng:

5. Địa điểm đào tạo:

- Đào tạo Lý thuyết:

- Đào tạo thực hành lái xe trong hình:

- Đào tạo lái xe trên đường giao thông:

Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN***(Ký tên, đóng dấu)***QR**

Mẫu Giấy phép xe tập lái
Mẫu số 01. Mẫu Giấy phép xe tập lái
 Kích thước: 120 mm x 180 mm

1. Mặt trước:

UBND TỈNH.... <u>SỞ XÂY DỰNG....</u>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI Mã số:...../.....	
Cấp cho xe số:.....Loại phương tiện:.....	
Nhân hiệu xe:.....Màu sơn:.....	
Cơ sở đào tạo:.....	
Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)	
Có giá trị: Từ ngày...../...../..... Đến ngày...../...../....., ngày.....tháng.....năm 20..... THỦ TRƯỞNG <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
<i>(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)</i>	

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

TẬP LÁI

Mẫu số 02. Mẫu giấy phép xe tập lái điện tử

Kích thước: 120 mm x 180 mm

1. Mặt trước:

UBND TỈNH....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
<u>SỞ XÂY DỰNG....</u>	<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI Mã số:...../.....	
Cấp cho xe số:.....Loại phương tiện:.....	
Nhãn hiệu xe:.....Màu sơn:.....	
Cơ sở đào tạo:.....	
Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)	
Có giá trị:, ngày.....tháng.....năm 20.....
Từ ngày...../...../.....	THỦ TRƯỞNG
Đến ngày...../...../.....	(Ký tên, đóng dấu)
<i>(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)</i>	

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

TẬP LÁI

MÃ QR

5. Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân lập hồ sơ gửi đến Sở Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp chưa đầy đủ thì Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định;

- Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính và vào sổ theo dõi; trường hợp cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe điện tử, Sở Xây dựng đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng để cá nhân in hoặc lưu trên thiết bị điện tử.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch công trực tuyến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp bị mất, bị hỏng:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

* Trường hợp có sự thay đổi về nội dung:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hộ tịch của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên; thay đổi ngày tháng năm sinh hoặc xuất trình căn cước công dân hoặc căn cước

Trường hợp giấy tờ quy định đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

5.8. Phí, lệ phí: Không có.**5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;
- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Là người đã được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.
- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

Mẫu Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Kính gửi:

- Sở Xây dựng.....;
- Cơ sở đào tạo lái xe.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Có Căn cước công dân hoặc Căn cước:.....

Có giấy phép lái xe số:....., hạng.....do:.....

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp (cấp lại) giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng.....

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày..... tháng.....năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe điện tử

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <hr style="width: 30%; margin: auto;"/>	
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <p>Ảnh màu 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng), có dấu giáp lai</p> </div>	<p><i>Căn cứ Quyết định số...../.....ngày.....tháng.....năm 20..... của Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe</i></p>
<p>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CHỨNG NHẬN Mã số:...../.....</p>	
<p>Ông (Bà):.....</p> <p>Ngày tháng năm sinh:.....</p> <p>Số căn cước công dân/căn cước:.....</p> <p>Đã hoàn thành khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.....hạng.....</p> <p>Từ ngày...../...../.....đến ngày/...../.....</p>	
<p>Số GCN:....., ngày.....tháng.....năm 20.....</p>	
<div style="border: 1px solid black; width: 40px; height: 40px; margin: auto; text-align: center; line-height: 40px;">QR</div>	<p>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN <i>(Ký tên, đóng dấu)</i></p>

Quy cách:

- Kích thước: 150 mm x 200 mm;
- Chữ “CHỨNG NHẬN”: phông chữ Times New Roman in hoa, đậm, cỡ chữ 21.

6. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô gửi đến Sở Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp chưa đầy đủ thì Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định;

- Trong thời hạn không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản;

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp lại giấy phép đào tạo lái xe điện tử, Sở Xây dựng đăng trên Trang thông tin điện tử để cơ sở đào tạo in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất):

- Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu;

- Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);

- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định pháp luật về đất đai.

Trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất: bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ, bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hoặc bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với cơ sở vật chất của bên cho thuê;

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);

- Chứng nhận đăng ký xe, biển số xe hoặc bản sao chứng nhận đăng ký xe, biển số xe có chứng thực kèm bản gốc giấy tờ xác nhận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài còn hiệu lực trong trường hợp xe đang được thế chấp tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bản chính xuất trình tại thời điểm kiểm tra để đối chiếu).

Trường hợp Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất và Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;
- Thời hạn cấp lại Giấy phép: 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép đào tạo lái xe.

6.8. Phí, lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu;
- Giấy phép đào tạo lái xe.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, và Điều 9 của Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

Mẫu Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe
CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ SỞ ĐÀO TẠO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:....

Địa chỉ liên lạc:.....

.....

Điện thoại:.....Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số..... ngày / / của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm.....loại xe (xe con, xe tải.....tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số.....ngày / / của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được..... học sinh, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo.....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:.....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH
(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích:..... m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy phép đào tạo lái xe**Mẫu số 01. Giấy phép đào tạo lái xe**

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN <hr style="width: 80%; margin: auto;"/>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc <hr style="width: 80%; margin: auto;"/>
Số:...../, ngày tháng năm 20
<h2 style="margin: 0;">GIẤY PHÉP</h2> <h3 style="margin: 0;">ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ</h3>	
<p>Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024; Căn cứ Nghị định số/ /NĐ-CP ngày.../..... /..... của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định số..... ngày / / của cơ quan có thẩm quyền về việc; Theo đề nghị của</p>	
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	
<p>1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:.....</p> <p>2. Địa chỉ:.....</p> <p>- Điện thoại - Fax:.....</p> <p>3. Cơ quan quản lý trực tiếp:.....</p> <p>4. Được phép đào tạo:</p> <p>- Hạng:.....</p> <p>- Lưu lượng:</p> <p>5. Địa điểm đào tạo:</p> <p>- Đào tạo Lý thuyết:</p> <p>- Đào tạo thực hành lái xe trong hình:</p> <p>- Đào tạo lái xe trên đường giao thông:</p>	
<p>Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.</p>	
<p>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN <i>(Ký tên, đóng dấu)</i></p>	

Mẫu số 02. Giấy phép đào tạo lái xe điện tử

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../

....., ngày tháng năm 20

**GIẤY PHÉP
ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ
Mã số:...../.....**

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số/ /NĐ-CP ngày...../..... /..... của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định số..... ngày / / của cơ quan có thẩm quyền về việc

Theo đề nghị của

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:.....

2. Địa chỉ:.....

- Điện thoại - Fax:.....

3. Cơ quan quản lý trực tiếp:.....

4. Được phép đào tạo:

- Hạng:.....

- Lưu lượng:

5. Địa điểm đào tạo:

- Đào tạo Lý thuyết:

- Đào tạo thực hành lái xe trong hình:

- Đào tạo lái xe trên đường giao thông:

Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN**

(Ký tên, đóng dấu)

QR

7. Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người vận tải hàng hóa nguy hiểm nộp hồ sơ đến cơ quan cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cụ thể:

- Bộ Quốc phòng tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm cho:
 - + Các tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;
 - + Người vận tải do tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thuê vận chuyển hàng hoá nguy hiểm.
- Bộ Công Thương tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 8, loại 9 (trừ hóa chất bảo vệ thực vật và hàng hóa nguy hiểm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng).
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật cho các tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ; trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có sai lệch thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông báo bằng văn bản hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, đồng thời hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Riêng đối với thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 7 thực hiện theo quy định về việc tiến hành công việc bốc xếp và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; trường hợp không cấp Giấy phép thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- * Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 bao gồm:
 - Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu;
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính Bảng kê danh sách phương tiện tham gia vận chuyển đảm bảo còn thời hạn kiểm định theo quy định;
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính Bảng kê danh sách lái xe vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (gồm: Họ và tên; số định danh cá nhân; số giấy phép, hạng giấy phép lái xe) và danh sách người áp tải đối với trường hợp bắt buộc phải có người áp tải (gồm: Họ và tên, số định danh cá nhân);
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính phương án tổ chức vận chuyển, hàng hóa nguy hiểm của đơn vị vận chuyển theo mẫu (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: Biển kiểm soát xe; họ và tên người lái xe; loại hàng; khối lượng; tuyến đường, thời gian vận chuyển; biện pháp ứng cứu sự cố hóa chất trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm);
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm của người lái xe hoặc người áp tải.
- * Hồ sơ cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bao gồm:
 - Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu;
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính Bảng kê danh sách phương tiện tham gia vận chuyển đảm bảo còn thời hạn kiểm định theo quy định;
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính Bảng kê danh sách lái xe vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (gồm: Họ và tên; số định danh cá nhân; số giấy phép, hạng giấy phép lái xe) và danh sách người áp tải đối với trường hợp bắt buộc phải có người áp tải (gồm: Họ và tên, số định danh cá nhân);
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính phương án tổ chức vận chuyển, hàng hóa nguy hiểm của đơn vị vận chuyển theo mẫu (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: Biển kiểm soát xe; họ và tên người lái xe; loại hàng; khối lượng; tuyến đường, thời gian vận chuyển; biện pháp ứng cứu sự cố hóa chất trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm);
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm của người lái xe hoặc người áp tải.
- * Hồ sơ cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật bao gồm:
 - Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu;
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính Bảng kê danh sách phương tiện tham gia vận chuyển đảm bảo còn thời hạn kiểm định theo quy định;
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính Bảng kê danh sách lái xe vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (gồm: Họ và tên; số định danh cá nhân; số giấy phép,

hạng giấy phép lái xe) và danh sách người áp tải đối với trường hợp bắt buộc phải có người áp tải (gồm: Họ và tên, số định danh cá nhân);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng cung ứng; Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính phương án tổ chức vận chuyển, hàng hóa nguy hiểm của đơn vị vận chuyển theo mẫu (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: Biển kiểm soát xe; họ và tên người lái xe; loại hàng; khối lượng; tuyến đường, thời gian vận chuyển; biện pháp ứng cứu sự cố hóa chất trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm);
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm của người lái xe hoặc người áp tải.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.

7.8. Phí, lệ phí: Không có.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm
- Phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.
- Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đáp ứng các quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.
- Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

Mẫu giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (...)

Tên tổ chức, cá nhân:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày...tháng...năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN
HÀNG NGUY HIỂM**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm:.....

Địa chỉ:

Điện thoại.....Fax..... Email:

2. Họ và tên, chức danh người đại diện theo pháp luật:.....

3. Giấy đăng ký doanh nghiệp số ngày....tháng....năm....., tại..... hoặc Số Định danh cá nhân:

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:.....do....(tên cơ quan cấp)...(áp dụng đối với đơn vị kinh doanh vận tải).

5. Thông tin về phương tiện gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép chở (áp dụng trong trường hợp vận chuyển theo chuyên).

6. Thông tin về người lái xe gồm: Họ và tên, Số định danh cá nhân: ..., hạng giấy phép lái xe; đã được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn hàng hoá nguy hiểm.

7. Thông tin về người áp tải (nếu có) gồm: Họ và tên, Số định danh cá nhân, đã được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn hàng hoá nguy hiểm.

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất nguy hiểm sau:

TT	Tên gọi và mô tả	Số hiệu UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển (dự kiến)
1					
2					
...					

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bao gồm:

1.

2.

.....

.... (tên tổ chức, cá nhân) cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đề nghị cấp loại hình nào thì ghi loại đó (cấp mới/cấp bổ sung phương tiện giao thông đường bộ).

- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan cấp phép.

Mẫu Phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm

Tên tổ chức, cá nhân: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: /.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân vận chuyển hàng nguy hiểm:.....

Địa chỉ:

Điện thoại Fax..... Email:

2. Thông tin về phương tiện (hoặc danh sách kèm theo) gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép chở.....

3. Họ và tên người điều khiển phương tiện (hoặc danh sách kèm theo):.....

4. Loại hàng hóa nguy hiểm, khối lượng vận chuyển (liệt kê chi tiết từng loại, nhóm hàng hoá nguy hiểm).....

5. Tuyến đường vận chuyển..... (áp dụng đối với trường hợp vận chuyển theo chuyến)

6. Thời gian vận chuyển:.....

7. Thông tin về phương tiện gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép chở.....

8. Biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố cháy, nổ

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét!

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
(Áp dụng trong trường hợp cấp theo chuyên)**

.....(1).....

.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY PHÉP

VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

Số:.....

Theo đề nghị của:.....(4).....,

.....(2).....cho phép:

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....(4)

Số định danh cá nhân/Giấy CNĐKKD:.....

Địa chỉ:Điện thoại.....

Họ và tên, chức danh người đại diện theo pháp luật:.....

Được phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.....(3)....,(4).....phải có trách nhiệm duy trì các điều kiện an toàn về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của phương tiện và chấp hành đầy đủ các quy định về hàng hóa nguy hiểm trong suốt quá trình vận chuyển.

Hành trình, lịch trình vận chuyển:.....

Thông tin về phương tiện:

Thông tin về người lái xe:

Thông tin về người áp tải (áp dụng đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quy định phải có người áp tải):.....

Thời hạn của giấy phép:.....

Nơi nhận:

-

- Lưu:.....

....., ngày.....tháng.....năm

...(5)....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.

(2) Tên cơ quan cấp giấy phép.

(3) Tên loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm.

(4) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.

(5) Chức vụ của người ký.

**Mẫu Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo chuyên
(Áp dụng cho nhiều chuyên)**

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP

VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

Theo đề nghị của:.....(4).....,

.....(2).....cho phép:

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....(4)

Số định danh cá nhân/Giấy CNĐKKD:.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

Họ và tên, chức danh người đại diện theo pháp luật:.....

Được phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm:..... (3)....,

.....(4).....phải có trách nhiệm duy trì các điều kiện an toàn về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của phương tiện và chấp hành đầy đủ các quy định về hàng hóa nguy hiểm trong suốt quá trình vận chuyển.

Thời hạn của giấy phép:.....

Nơi nhận:

....., ngày.....tháng.....năm

-

...(5)....

- Lưu:.....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan cấp giấy phép.
- (3) Tên loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm.
- (4) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
- (5) Chức vụ của người ký.

8. Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người vận tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm nộp hồ sơ đến cơ quan cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cụ thể:

- Bộ Quốc phòng tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm cho:
 - + Các tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;
 - + Người vận tải do tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thuê vận chuyển hàng hoá nguy hiểm.
- Bộ Công Thương tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 8, loại 9 (trừ hóa chất bảo vệ thực vật và hàng hóa nguy hiểm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng).
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật cho các tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ; trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có sai lệch thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông báo bằng văn bản hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, đồng thời hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép đã được điều chỉnh thông tin theo đề nghị của người vận tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; trường hợp không đồng ý, cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu;
- Hồ sơ chứng minh sự thay đổi về thông tin liên quan đến giấy phép;

- Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đã được cấp cần điều chỉnh thông tin.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

- Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đáp ứng các quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

- Nghị định 105/2025/NĐ- CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Mẫu Giấy đề nghị điều chỉnh thông tin trên giấy phép vận chuyển hàng
nguy hiểm (...)**

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRÊN GIẤY PHÉP VẬN
CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm:
 - Địa chỉ:.....
 - Điện thoại.....Fax.....Email:.....
 2. Giấy đăng ký doanh nghiệp số...ngày.. ..tháng...năm.....,
tại..... hoặc Số định danh cá nhân (áp dụng trường hợp là cá nhân).
 3. Số giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm....., ngày cấp....., ngày hết hạn.....
 4. Thông tin đề nghị điều chỉnh:
 - Thông tin trên giấy phép vận chuyển đã cấp:
 - Thông tin đề nghị điều chỉnh:
- ...(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

..., ngày....tháng.....năm.....

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan cấp phép.

**Mẫu Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
(Áp dụng trong trường hợp cấp theo chuyên)**

.....(1).....

.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY PHÉP

VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

Số:.....

Theo đề nghị của:.....(4).....,

.....(2).....cho phép:

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....(4)

Số định danh cá nhân/Giấy CNĐKKD:.....

Địa chỉ:Điện thoại.....

Họ và tên, chức danh người đại diện theo pháp luật:.....

Được phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.....(3)....,(4).....phải có trách nhiệm duy trì các điều kiện an toàn về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của phương tiện và chấp hành đầy đủ các quy định về hàng hóa nguy hiểm trong suốt quá trình vận chuyển.

Hành trình, lịch trình vận chuyển:.....

Thông tin về phương tiện:

Thông tin về người lái xe:

Thông tin về người áp tải (áp dụng đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quy định phải có người áp tải):.....

Thời hạn của giấy phép:.....

Nơi nhận:

-

- Lưu:.....

....., ngày.....tháng.....năm

...(5)....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.

(2) Tên cơ quan cấp giấy phép.

(3) Tên loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm.

(4) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.

(5) Chức vụ của người ký.

**Mẫu Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo chuyên
(Áp dụng cho nhiều chuyên)**

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP

VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

Theo đề nghị của:.....(4).....,

.....(2).....cho phép:

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....(4)

Số định danh cá nhân/Giấy CNĐKKD:.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

Họ và tên, chức danh người đại diện theo pháp luật:.....

Được phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm:..... (3)....,

.....(4).....phải có trách nhiệm duy trì các điều kiện an toàn về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của phương tiện và chấp hành đầy đủ các quy định về hàng hóa nguy hiểm trong suốt quá trình vận chuyển.

Thời hạn của giấy phép:.....

Nơi nhận:

-

- Lưu:.....

....., ngày.....tháng.....năm

...(5)....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan cấp giấy phép.
- (3) Tên loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm.
- (4) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
- (5) Chức vụ của người ký.